

PHÁT TRIỂN VĂN HÓA ĐỌC CHO TRẺ EM KHUYẾT TẬT: THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ NGHỊ

ThS Trần Thị Thanh Vân và Trần Thị Di Hòa
Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội

Mô tả thực trạng trẻ em khuyết tật ở Việt Nam và nhấn mạnh sự cần thiết của việc phát triển văn hóa đọc cho trẻ em khuyết tật. Liệt kê các cơ sở pháp lý cho phép hệ thống thư viện công cộng triển khai hoạt động này. Đưa ra năm đề nghị cụ thể nhằm sớm phát triển văn hóa đọc cho trẻ em khuyết tật.

Sự bùng nổ thông tin hiện nay càng làm bộc lộ rõ nét tình trạng “đói thông tin” và “đói tri thức” của một nhóm người dùng tin - những người khuyết tật nói chung và trẻ em khuyết tật nói riêng - trong xã hội. Để khắc phục tình trạng này, một trong những giải pháp quan trọng, mang tính chiến lược của quốc gia, đang được hướng tới là *phát triển văn hóa đọc*. Trong đó, theo chúng tôi, trẻ em khuyết tật là đối tượng cần được đặc biệt quan tâm. Bài viết này nhằm làm rõ một số nội dung liên quan đến đối tượng nêu trên như: Phát triển văn hóa đọc cho trẻ em khuyết tật nghĩa là gì? Thực trạng trẻ em khuyết tật ở Việt Nam ra sao? Thiết chế xã hội nào cho phép phát triển văn hóa đọc cho trẻ khuyết tật?...

1. Phát triển văn hóa đọc cho trẻ em khuyết tật nghĩa là gì?

Để hiểu rõ nội hàm khái niệm *phát triển văn hóa đọc cho trẻ em khuyết tật* cần làm rõ nghĩa của từng khái niệm: phát triển, văn hóa, đọc, khuyết tật và trẻ em.

- *Phát triển*, theo Từ điển tiếng Việt, nghĩa là “biến đổi hoặc làm cho biến đổi từ ít đến nhiều, hẹp đến rộng, thấp đến cao, đơn giản đến phức tạp” [11, tr.769]. Ông Pérerz De Cuelzar, nguyên Tổng thư ký Liên hiệp quốc, cho rằng: “*Phát triển, tất nhiên có nghĩa là thay đổi, nhưng sự thay đổi không có nghĩa là tạo nên sự khác biệt mà nó sẽ tạo ra những đặc tính đặc trưng của xã hội các cá nhân; đầu tiên và trên hết là sự thay đổi phải đem lại cuộc sống phồn vinh, có chất lượng, được mỗi cộng đồng chấp nhận...*” [9, tr.23].

- *Văn hóa* là “những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử” [11, tr.1100]. Nói đến *văn hóa* là nói về con người, về việc phát huy năng lực, bản chất của con người trong mọi lĩnh vực hoạt động nhằm hoàn thiện con người, hoàn thiện xã hội. Điều đó nghĩa là trong hoạt động “đọc” có *văn hóa đọc*. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: “*Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của*

nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”[3, tr.431]. Văn hóa có vai trò quan trọng, vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển kinh tế-xã hội. Đời sống xã hội gồm hai mặt: vật chất và tinh thần. Trong đó, kinh tế là nền tảng của đời sống vật chất, còn văn hóa là nền tảng của cuộc sống tinh thần biểu hiện trong hai lĩnh vực: văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Sự phân chia này tuy vậy chỉ là tương đối, vì văn hóa vật chất (hay văn hóa vật thể) thực chất là vật thể hóa các giá trị tinh thần. Vì vậy, văn hóa là hoạt động tinh thần với các chức năng như giáo dục, nhận thức, thẩm mỹ, dự báo, giải trí,... Trong đó, giáo dục là chức năng bao trùm. Thông qua các chức năng cụ thể trên, các hoạt động văn hóa (trong đó có hoạt động phát triển văn hóa đọc) tác động trực tiếp đến sự hình thành nhân cách, sự phát triển toàn diện của con người.

- *Phát triển văn hóa* nghĩa là “*những hoạt động của con người nhằm sáng tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần trong quá trình lịch sử*” [10, tr.1100], là những hoạt động hướng con người tới cái chân, thiện, mỹ và nâng cao năng lực để con người tạo ra cái chân, thiện, mỹ - nền tảng để phát triển văn hóa.

- Khái niệm *đọc* gồm nhiều nghĩa như: “phát thành lời những điều đã được viết ra theo đúng trình tự; tiếp

nhận nội dung của một tập hợp ký hiệu bằng cách nhìn vào các ký hiệu; thu lấy thông tin từ một thiết bị nhớ của máy tính, như từ một đĩa từ; hiểu thấu bằng cách nhìn vào những biểu hiện bề ngoài” [11, tr.330]. Trong hoạt động thông tin-thư viện, *đọc* có thể hiểu là hoạt động tiếp nhận (bằng mắt, tai, tay) thông tin (nội dung và hình thức) từ một vật mang tin/tài liệu hay từ một hoạt động, sự kiện, hiện tượng nào đó. *Văn hóa đọc* là sự tổng hợp của mọi phương thức, hình thức ứng xử đọc, giá trị đọc và chuẩn mực đọc của mỗi cá nhân và của cộng đồng xã hội nhằm hoàn thiện nhân cách, hoàn thiện xã hội. Ứng xử đọc, giá trị đọc, chuẩn mực đọc được tạo nên bởi ba yếu tố quan trọng là *thói quen đọc, sở thích đọc và kỹ năng đọc*. Tham gia vào hoạt động văn hóa đọc không chỉ có cá nhân - người tạo ra, bảo quản, phổ biến giá trị văn hóa - mà còn cả nhiều thiết chế như các thư viện, viện nghiên cứu, hội nghề nghiệp, bảo tàng, nhà trường, cơ quan xuất bản, cơ quan phát thanh, truyền hình, nhà hát,... tạo nên hạ tầng cơ sở vật chất-công nghệ cho hoạt động văn hóa đọc.

Phát triển văn hóa đọc, theo chúng tôi, là những hoạt động của con người để biến đổi việc tiếp nhận thông tin của chính mình nhằm nâng cao khả năng tiếp nhận và tạo ra các giá trị vật chất và tinh thần cao hơn, hướng tới cái chân, thiện, mỹ để hoàn thiện con người và xã hội, nâng cao chất lượng

cuộc sống của con người.

- *Người khuyết tật*, theo Từ điển tiếng Việt, là “*người bị tật bẩm sinh, dị tật*” [11, tr.517]; theo “*Đạo luật chống phân biệt đối xử với người khuyết tật*” của Anh- là *người có một hoặc nhiều khiếm khuyết về thể chất hoặc tinh thần mà vì thế gây ra suy giảm đáng kể và lâu dài khả năng thực hiện các hoạt động, sinh hoạt hàng ngày*; còn theo “*Đạo luật về người khuyết tật*” của Hoa Kỳ năm 1990- là *người có sự suy yếu về thể chất hay tinh thần gây ảnh hưởng đáng kể đến một hay nhiều hoạt động quan trọng trong cuộc sống*. Theo Tổ chức Y tế Thế giới, sự suy giảm về thể chất hay tinh thần gồm ba mức độ: *khiếm khuyết (impairment)*, *khuyết tật (disability)* và *tàn tật (handicap)*. Trong đó, *khuyết tật* là hiện tượng phản ánh sự tương tác giữa các tính năng cơ thể và tính năng xã hội mà người khuyết tật phải chịu đựng; *khiếm khuyết* ám chỉ sự không bình thường của cơ thể liên quan đến tâm lý hoặc sinh lý. *Khuyết tật* là hậu quả của sự khiếm khuyết, ám chỉ sự giảm thiểu chức năng hoạt động. *Tàn tật* là sự thiệt thòi của người mang khiếm khuyết do tác động của môi trường xung quanh lên tình trạng khuyết tật của họ. Theo “*Tổ chức Quốc tế người khuyết tật*”, người khuyết tật bị trở thành tàn tật là do *thiếu cơ hội để tham gia các hoạt động của cộng đồng xã hội để có một cuộc sống giống như các*

thành viên bình thường khác. Theo TS Gillian Burrington, người khuyết tật là “*một người có khuyết tật về thể chất, tinh thần, giác quan mà có những tác động xấu dai dẳng đến khả năng thực hiện các hoạt động sinh hoạt hàng ngày...*” [2, tr.18]. Luật Người khuyết tật xác định: “*Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn*” [5, tr.01].

Trẻ em, theo Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em năm 1989 của Liên hiệp quốc, là những người dưới 18 tuổi. Như vậy, *trẻ em khuyết tật* có thể hiểu là những người dưới 18 tuổi bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật, khiến cho các em gặp khó khăn trong việc tiếp nhận thông tin để học tập, sinh hoạt và lao động.

Từ nội hàm các khái niệm nêu trên, theo chúng tôi, *Phát triển văn hóa đọc cho trẻ em khuyết tật* có thể hiểu là *những hoạt động của con người để biến đổi chính việc tiếp nhận thông tin (như ứng xử, giá trị và chuẩn mực tiếp nhận thông tin, hay nói cách khác, là thói quen đọc, sở thích đọc và kỹ năng đọc) của trẻ em dưới 18 tuổi bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật; giúp các em dễ dàng trong việc tiếp nhận thông tin để học tập, sinh hoạt và lao động, nhanh*

chóng hoàn thiện nhân cách, có khả năng tiếp tục tạo ra các giá trị vật chất và tinh thần cao hơn để hướng tới cái chân, thiện, mỹ nhằm hoàn thiện xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của con người.

2. Thực trạng trẻ em khuyết tật ở Việt Nam

2.1. Số lượng trẻ khuyết tật

Theo số liệu thống kê năm 2003 của Chính phủ, cả nước có khoảng năm triệu người khuyết tật, chiếm 6,3% tổng dân số, trong đó, hơn một triệu là trẻ em, tức khoảng 3% trẻ em dưới 18 tuổi. Phần lớn các trẻ này ở các tỉnh miền Trung như Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi,... Theo giới tính, 63,5% người khuyết tật là nam, 36,5% là nữ. Các dạng tật chủ yếu là vận động, thị giác, thính giác, ngôn ngữ, trí tuệ, thần kinh, trong đó vận động và thị giác là dạng tật có số người nhiều nhất. Thống kê và dự báo cho thấy, số người khuyết tật sẽ còn gia tăng. Đây thật sự là một hiện tượng xã hội, không còn thuần túy là vấn đề y học. Hiện tượng này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá nếu văn hóa đọc cho các em, cái mang lại tri thức, nghề nghiệp và giúp các em hòa nhập cộng đồng, không được chú trọng phát triển.

2.2. Trình độ

Theo Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (LĐTBXH), trình độ học vấn

của người khuyết tật ở Việt Nam rất thấp: 41% - chỉ biết đọc, biết viết; 19,5% - học hết cấp một; 2,75% - có trình độ trung học chuyên nghiệp hay chứng chỉ học nghề và dưới 0,1% - có bằng đại học hoặc cao đẳng. Nhìn chung, chỉ khoảng 3% người khuyết tật được đào tạo nghề chuyên môn và hơn 4% có việc làm ổn định. Trong số đó, phần lớn trẻ em khuyết tật không được đến trường. Đa số các em có trình độ thấp. Tỷ lệ biết đọc, biết viết thấp, sinh viên khuyết tật có trình độ cao chưa nhiều mặc dù đang có xu hướng tăng. Trong số gần một triệu trẻ khuyết tật, khoảng 269.000 em (24,22%) được đến trường, đặc biệt số trẻ khiếm thị độ tuổi từ 6 đến 17 đến trường rất thấp, vì vậy, 50% trẻ khuyết tật không biết chữ. Tuy nhiên, theo kết quả nghiên cứu, việc học tập có thể không xuất sắc nhưng đa số các em có khả năng hòa nhập cộng đồng tốt nếu được sự chủ động quan tâm từ các ban ngành.

2.3. Tâm lý và khó khăn

Tâm lý của một số trẻ khuyết tật là mặc cảm, ngại giao lưu chỗ đông người. Tuy nhiên, nhiều em có hoài bão, có nhu cầu học tập, phấn đấu để có công ăn việc làm. Đối với trẻ khuyết tật, cản trở lớn nhất ảnh hưởng đến tâm lý các em là sự kỳ thị/phân biệt đối xử. Trẻ khuyết tật rất cần sự cảm thông (không phải là sự thương hại), chia sẻ, động viên về tinh thần. Trong học tập, với những em bị khuyết

tật về trí tuệ hoặc cơ quan thu nhận cảm giác (khiếm thính, khiếm thị) khả năng tiếp thu tri thức tương đối khó khăn (khuyết tật vận động ít bị ảnh hưởng hơn), cần một hình thức giáo dục đặc biệt.

2.4. Cuộc sống

Hơn 40% người khuyết tật hiện sống dưới chuẩn nghèo. Đa số trẻ em khuyết tật sống cùng gia đình, một số ít sống trong các trung tâm bảo trợ xã hội và số rất ít sống lang thang. Các em ở trong nhà là chính, ít có điều kiện học tập, tiếp cận thông tin, tiếp cận cộng đồng,... Để giúp trẻ khuyết tật, việc phát triển văn hóa đọc cần được đầu tư công sức và cơ sở vật chất nhiều hơn so với trẻ bình thường, vì vậy, rất cần sự hỗ trợ của chính quyền, các ban, ngành hữu quan như văn hóa, giáo dục, xã hội, y tế,... và bản thân gia đình.

3. Cơ sở pháp lý để Hệ thống thư viện công cộng phát triển văn hóa đọc cho trẻ khuyết tật

Việt Nam là nước châu Á đầu tiên và là nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn công ước Liên hiệp quốc về *Quyền trẻ em* ngày 20/2/1990 – cam kết tăng cường quyền con người cơ bản cho tất cả trẻ em mà không chỉ riêng trẻ khuyết tật. Nhà nước đảm bảo mọi trẻ khuyết tật đều được tiếp cận giáo dục và học hành, các dịch vụ y tế, dịch vụ phục hồi chức năng, được chuẩn bị nghề cho việc làm và những cơ hội giải trí theo cách thức có lợi cho trẻ em

để hội nhập xã hội và phát triển cá nhân đầy đủ nhất. Bên cạnh đó, nhiều luật và chính sách được áp dụng để bảo vệ trẻ em. Điều 59 và 67 *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam* năm 1992 và sửa đổi năm 2001 là nói về việc bảo vệ người khuyết tật. Điều 59 nêu rõ: “*Người khuyết tật, người già, người cơ cực và trẻ em mồ côi được Nhà nước bảo trợ*”. Nhiều luật khác cũng trao quyền cho trẻ em khuyết tật như: “*Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân*” năm 1989; “*Luật Phổ cập giáo dục tiểu học*” năm 1991; “*Bộ Luật Lao động*” năm 1994; “*Pháp lệnh Người khuyết tật*” năm 1998; “*Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em*” năm 2004; “*Luật Giáo dục*” năm 2005; “*Luật Đào tạo nghề*” năm 2006; “*Luật Công nghệ thông tin*” năm 2006;... Đặc biệt là “*Pháp lệnh Thư viện*” năm 2000 và Nghị định số 72/NĐ-CP ngày 6/8/2002 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh này; “*Luật Người khuyết tật*” năm 2010; “*Ban điều phối quốc gia về vấn đề người khuyết tật*” được thành lập năm 2001; “*Bộ quy chuẩn và tiêu chuẩn về tiếp cận đối với người khuyết tật*” được xây dựng năm 2002; Đề án “*Trợ giúp người khuyết tật của Chính phủ giai đoạn 2006 - 2010*” được thông qua; Đề án “*Giáo dục hòa nhập tầm nhìn tới năm 2015*” với mục tiêu thực hiện giáo dục hòa nhập cho tất cả trẻ em khuyết tật vào năm 2015. Gần đây nhất, ngày 14/10/2010, Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định

số 1179/QĐ-BNV về việc thành lập *Liên hiệp hội người khuyết tật Việt Nam* nhằm mục đích liên kết, tập hợp sức mạnh, điều hòa, phối hợp các nguồn lực, tạo điều kiện để cộng đồng hỗ trợ người khuyết tật nói chung và trẻ em khuyết tật nói riêng trong học tập, làm việc và sinh hoạt nhằm xây dựng một xã hội hòa nhập, không rào cản vì người khuyết tật.

Để phát triển văn hóa đọc cho trẻ em khuyết tật, ngoài sự cố gắng của bản thân các em cùng gia đình, phải có sự quan tâm chỉ đạo, đầu tư và thống nhất hành động của nhiều cấp quản lý, nhiều ngành, viện nghiên cứu, tổ chức xã hội, nghề nghiệp,... như Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL), Bộ LĐTBXH, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), Bộ Y tế, Liên hiệp hội người khuyết tật Việt Nam, Hội Thư viện Việt Nam,... Tuy nhiên, theo chúng tôi, chịu trách nhiệm trước hết và trực tiếp việc quản lý, chỉ đạo công việc này phải là Bộ VHTTDL, trên cơ sở đó, Hệ thống Thư viện Công cộng (TVCC) có thể hỗ trợ trực tiếp việc phát triển văn hóa đọc cho trẻ khuyết tật thông qua các dịch vụ của mình. Luận điểm này là dựa vào các lý do sau đây:

- Điều 50 *Lưu ý Người khuyết tật* quy định “*Bộ VHTTDL có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về công tác văn hóa, thể thao, giải trí và du lịch đối với người khuyết tật; chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các*

hoạt động nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người khuyết tật” [5, tr.21]. Pháp lệnh Thư viện cũng chỉ rõ “*Người khiếm thị được tạo điều kiện sử dụng tài liệu thư viện bằng chữ nổi hoặc các vật mang tin đặc biệt*”, còn thư viện có trách nhiệm “*tiếp nhận sự giúp đỡ, tư vấn về việc tìm và chọn lựa nguồn thông tin; phục vụ tài liệu tại nhà thông qua các hình thức thư viện lưu động hoặc gửi qua bưu điện khi có yêu cầu đối với người cao tuổi, người tàn tật không có điều kiện đến thư viện*” [8, tr.11].

- Điều 2 khoản 3, 4, 6 Nghị định số 72/NĐ-CP ngày 6/8/2002 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành *Pháp lệnh Thư viện* như sau: “*TVCC ở địa phương, thư viện các trường phổ thông và cơ sở giáo dục khác, cung văn hóa thiếu nhi, nhà văn hóa thiếu nhi có trách nhiệm xây dựng bộ phận tài liệu phù hợp với khả năng, tâm sinh lý, lứa tuổi của trẻ em; tổ chức phòng đọc, mượn tài liệu dành riêng để phục vụ trẻ em*” [7, tr.2].

- Tuyên ngôn năm 1994 của UNESCO về TVCC đã nêu rõ nhiệm vụ của TVCC: “ 1. *Hình thành và củng cố thói quen đọc sách ở trẻ em ngay từ lứa tuổi sớm nhất. 2. Hỗ trợ việc học, học riêng lẻ hay học trong nhà trường, và tự học ở các cấp độ khác nhau. 4. Phát triển óc tưởng tượng và mong muốn sáng tạo ở trẻ em và thanh thiếu niên. 12. Giúp đỡ và tham gia vào việc thực hiện các hoạt động và*

chương trình xóa mù chữ được định hướng lên mọi nhóm tuổi và tổ chức các chương trình tương tự tùy theo mức độ cần thiết”.

4. Một số đề nghị để phát triển văn hóa đọc cho trẻ em khuyết tật

Từ năm 1998 đến nay, dưới sự chỉ đạo của Vụ Thư viện, Bộ Văn hóa-Thông tin (nay là Bộ VHTTDL) Hệ thống TVCC đã đạt được thành quả đáng khích lệ trong triển khai hoạt động phát triển văn hóa đọc cho người khuyết tật nói chung và trẻ em khuyết tật nói riêng. Tuy nhiên, văn hóa đọc mới chỉ được chú trọng cho những người khiếm thị/khuyết tật thị giác và trẻ em khiếm thị. Trẻ em khuyết tật ở các dạng khác như vận động, khiếm thính, ngôn ngữ,... vẫn chưa được đề cập tới. Số người khuyết tật vận động là đông nhất, tiếp đó là khiếm thị, rồi mới đến khuyết tật dạng khác. Chính vì vậy, để việc phát triển văn hóa đọc cho trẻ khuyết tật hiệu quả hơn, đồng bộ với chủ trương tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động thư viện của Hệ thống TVCC, chúng tôi mạnh dạn nêu ra một số đề nghị như sau:

4.1. Đối với Bộ VHTTDL

- Tiếp tục xây dựng các văn bản, tạo hành lang pháp lý trong đầu tư, triển khai việc phát triển văn hóa đọc cho trẻ em khuyết tật để *Pháp lệnh thư viện, Luật người khuyết tật và Công ước Quyền trẻ em của Liên hiệp quốc* tiếp tục đi vào cuộc sống hiệu quả hơn;

- Có chính sách đào tạo, nâng cao

nhận thức và trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên viên trong việc phát triển văn hóa đọc cho trẻ em khuyết tật;

- Chỉ đạo, đầu tư mọi nguồn lực để phát triển văn hóa đọc cho người khiếm thị nói chung và trẻ em khiếm thị nói riêng. Cụ thể: tập trung đầu tư phát triển để Thư viện Hà Nội, Thư viện Khoa học Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh trở thành trung tâm sản xuất tài liệu thay thế, tránh sự trùng lặp (có thể mở rộng đầu tư cho Thư viện tỉnh Thừa Thiên Huế phục vụ các tỉnh miền Trung); đầu tư kinh phí cho phát triển vốn tài liệu; cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất, máy móc và thiết bị chuyên dụng, phù hợp với các dạng khuyết tật trong tiếp cận thông tin; đẩy mạnh việc ứng dụng tin học và đào tạo đội ngũ chuyên gia cho Hệ thống TVCC;

- Xây dựng các dự án nghiên cứu quy mô quốc gia về phát triển văn hóa đọc cho người khuyết tật khác, mà trước hết là trẻ em khuyết tật;

- Cần có sự phối hợp liên bộ trong việc đề ra cơ chế, chính sách và chỉ đạo các tỉnh để sở VHTTDL cùng với sở GDĐT tạo điều kiện cho Hệ thống TVCC kết hợp với thư viện trường học phát triển văn hóa đọc cho trẻ em khuyết tật (Bộ GDĐT chủ trương 100% trẻ khuyết tật được đến trường). Thống nhất ngôn ngữ cho người khuyết tật;

- Kết hợp với các Bộ, ngành, các hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp,... để

Nghiên cứu - Trao đổi

phát huy mọi nguồn lực, đặc biệt là với Bộ GDĐT, Bộ LĐTBXH;

- Tổ chức các hội thi “Cán bộ phục vụ người khuyết tật giỏi” nhằm tôn vinh, động viên kịp thời các điển hình và nhân rộng phong trào;

- Mở rộng công tác đối ngoại tìm nguồn tài trợ như Quỹ FORCE.

4.2. Đối với lãnh đạo thư viện thuộc Hệ thống thư viện công cộng

- Thư viện nỗ lực, chủ động “xây dựng thư viện mở” không rào cản cho trẻ em khuyết tật. Tổ chức hoạt động thư viện và các dịch vụ phù hợp với tâm sinh lý trẻ em. Cung cấp nhiều dịch vụ và thiết bị thích ứng, đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin cho tất cả các đối tượng khuyết tật trong đó có trẻ em khuyết tật;

- Đánh giá nhu cầu và hiệu quả phục vụ trẻ em khiếm thị nói riêng và trẻ khuyết tật nói chung để phục vụ trong điều kiện có thể;

- Chú trọng vai trò của thư viện cơ sở trong hệ thống/tỉnh để tăng cường quảng bá các dịch vụ thông tin phục vụ trẻ em khuyết tật (nhân Ngày người khuyết tật quốc tế 3 tháng 12 và Ngày người khuyết tật Việt Nam 18 tháng 4 hoặc Ngày thiếu nhi quốc tế 1 tháng 6);

- Phối hợp chặt chẽ với thư viện trường học phổ thông trong khu vực để cung cấp các dịch vụ, trang thiết bị và nguồn tài liệu;

- Ngoài việc tổ chức phòng đọc riêng và các dịch vụ hiện đại và truyền

thống cho thiếu nhi tại chỗ, cần chú trọng hình thức phục vụ lưu động, chuyển thiết bị, tài liệu đến nhà cho trẻ khuyết tật;

- Hằng năm cần dành kinh phí cho việc bổ sung tài liệu cho thanh thiếu nhi, trong đó có trẻ em khuyết tật. Chú trọng việc chia sẻ và cập nhật công nghệ mới và nguồn tài liệu đặc thù cho thiếu nhi khuyết tật;

- Chủ động trong việc đề nghị với Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh, huyện và xã, là những nơi trực tiếp thực hiện các chính sách liên quan đến người khuyết tật và trẻ em khuyết tật.

4.3. Đối với cán bộ chuyên trách

- Thiếu nhi nói chung và thiếu nhi khuyết tật nói riêng là những người dùng tin đặc biệt, vì vậy, ngoài kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ vững vàng người phục vụ trực tiếp còn phải có khả năng giao tiếp với trẻ em, có lòng nhân ái và tính kiên trì;

- Cần phân nhóm trẻ em theo lứa tuổi, chủ động đến với trẻ khuyết tật để nắm bắt nhu cầu và quảng bá dịch vụ thư viện. Chú trọng phát huy vai trò của phụ huynh, kết hợp chặt chẽ với gia đình giúp trẻ khuyết tật tiếp cận thông tin;

- Cán bộ chuyên trách phục vụ người khuyết tật và trẻ em khuyết tật cần được hưởng chế độ đãi ngộ đặc biệt.

Nghiên cứu - Trao đổi

4.4. Đối với lãnh đạo các cơ sở đào tạo ngành thông tin-thư viện

- Sớm đưa vào chương trình đào tạo các chuyên đề “Thư viện thiếu nhi”, “Thư viện trường học”, “Thư viện cho người dùng tin đặc biệt”, trong đó các dịch vụ thông tin dành cho trẻ em khuyết tật được nêu rõ;

- Xây dựng các đề tài, tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề về phát triển văn hóa đọc cho người khuyết tật và trẻ em khuyết tật;

- Chú trọng phát triển vốn tài liệu tham khảo, biên soạn bài giảng, giáo trình cho ba chuyên đề nêu trên (tài liệu về vấn đề này rất ít ở Việt Nam

cũng như ở nước ngoài).

4.5. Đối với gia đình và bản thân trẻ em khuyết tật

- Bố mẹ cần quan tâm đặc biệt đến các con, chủ động nắm bắt thông tin về quyền lợi và phúc lợi xã hội, về các sản phẩm máy móc, thiết bị hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật, thông qua các kênh thông tin khác nhau;...

- Dành thời gian đưa trẻ đến trường, đến thư viện để giúp trẻ sớm hoà nhập cuộc sống cộng đồng;

- Trẻ khuyết tật cần cố gắng vượt qua cản trở về tâm lý, tự tin trong tiếp cận thông tin/tri thức, công nghệ hiện đại.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo “Tăng cường tiếp cận thông tin cho người khiếm thị/10 năm hợp tác giữa Việt Nam và Quỹ FORCE 2000 – 2010”. 27 tr.
2. Dịch vụ thư viện cho người khiếm thị, cẩm nang thực hành tốt nhất/tài liệu dịch.HCM.: Thư viện KHTH Tp Hồ Chí Minh, 2005.- 297 tr.
3. Hồ Chí Minh. Toàn tập. Tập 3. H.: Chính trị Quốc gia, 2000.- tr.431.
4. Lệnh của Chủ tịch nước số 06-L/CTN ngày 08/08/1998 công bố Pháp lệnh về người tàn tật.- 05tr.
5. Luật người khuyết tật//Luật số: 51/2010/QH12. Hà Nội, ngày 17/6/2010
6. Nguyễn Thị Bắc. Cam kết trách nhiệm của thư viện đối với người khiếm thị//Dịch vụ thư viện cho người khiếm thị/Tài liệu dịch. Thư viện KHTH Tp Hồ Chí Minh, 2005, 297 tr.
7. Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thư viện, số 72/2002/NĐ-CP ngày 06/08/2002.16 tr.
8. Pháp lệnh Thư viện, số 31/2000/PL-UBTVQH 10 ngày 28/12/2000,7 tr.
9. Thập kỷ thể giới phát triển văn hóa.-H.: Bộ Văn hóa-Thông tin và Thể thao,1992.- tr.23.
10. Trần Thị Thanh Vân. Nghiên cứu nâng cao chất lượng các dịch vụ thông tin cho người khiếm thị//Tập chí Khoa học Xã hội, năm 2009, số ?? tr.
11. Từ điển Tiếng Việt//Hoàng Phê chủ biên.H.: Đà Nẵng, 2006.- 1221 tr.
12. Langan, John.- Ten steps to building college reading skills: Form A: Course.-2nd. ed. .- Martol: Townsend press, 1994.
13. McWhorter, Kathleen T.- Efficient and Flexible Reading: Fifth Edition.- New York: Logman, 1998. - Website về người khuyết tật
14. www.pwd.vn Người khuyết tật Việt Nam